

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 của Chính phủ Việt Nam (sau đây viết tắt là Cam kết FP2030); Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030); Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch thực hiện Cam kết FP2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Cam kết FP2030 của Chính phủ Việt Nam và Kế hoạch của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh.

b) Xác định nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của các sở, ngành và các xã, phường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Bảo đảm mọi người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên được tiếp cận thuận lợi với các biện pháp tránh thai hiện đại và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng.

2. Yêu cầu

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bám sát nội dung Cam kết FP2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và khả thi.

b) Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, phường trong tổ chức thực hiện. Tăng cường phối hợp liên ngành; lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan.

c) Bảo đảm nguồn lực thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

Việc triển khai Cam kết FP2030 trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên cơ sở kế thừa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định tại Kế hoạch 167/KH-UBND. Kế hoạch này quy định các nhiệm vụ, giải pháp cần bổ sung để thực hiện đầy đủ các nội dung của Cam kết FP2030 theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa và hoàn thành các chỉ tiêu cam kết quốc tế của Chính phủ Việt Nam tại Chương trình FP2030 trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, an toàn, thuận tiện, chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở tôn trọng quyền tự nguyện sinh sản của người dân. Điều phối lồng ghép nguồn lực để hỗ trợ đưa mức sinh của tỉnh về mức sinh thay thế bền vững, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Thực hiện các mục tiêu đã được xác định tại Mục V Kế hoạch số 167/KH-UBND, đồng thời bổ sung, cụ thể hóa các mục tiêu như sau:

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh sản được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, hỗ trợ sinh sản và dự phòng vô sinh tại cộng đồng.
- Giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2030 so với năm 2025.
- 90% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực công lập và ngoài công lập.
- 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.
- 100% xã, phường có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng.
- Trên 95% xã, phường duy trì thường xuyên hoạt động truyền thông, tư vấn về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, đặc biệt đối với nhóm vị thành niên, thanh niên; công tác truyền thông về hệ lụy của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, chú trọng truyền thông đến nhóm đối tượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh sản trên địa bàn tỉnh; trọng tâm là vị thành niên, thanh niên và các nhóm đối tượng yếu thế (bao gồm: người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số tại các vùng khó khăn; người di cư; công nhân tại khu công nghiệp; người khuyết tật và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn).

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan. Đội ngũ cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch.

2. Phạm vi thực hiện: 65/65 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các nhiệm vụ về hoàn thiện cơ chế chính sách, truyền thông, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ, xã hội hóa, nghiên cứu khoa học, huy động nguồn lực, đào tạo, kiểm tra, giám sát và phân công trách nhiệm tiếp tục thực hiện theo Mục VI Kế hoạch 167/KH-UBND. Để thực hiện đầy đủ Cam kết FP2030, tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại

- Chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về chương trình dân số và phát triển; giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình chuyên môn, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật y tế tại tất cả các cơ sở cung cấp dịch vụ trên địa bàn.

- Cụ thể hóa và lồng ghép nội dung kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai của địa phương nhằm bảo đảm tính bền vững và khả năng đáp ứng dịch vụ trong mọi tình huống.

- Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai cho các cá nhân và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; đẩy mạnh các mô hình truyền thông chuyên đề hướng tới đối tượng nam giới nhằm nâng cao trách nhiệm chia sẻ trong thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Khuyến khích sự tham gia của các cơ sở y tế ngoài công lập trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2. Giảm có thai ngoài ý muốn ở thanh niên, vị thành niên

- Thực hiện thu thập số liệu sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt ở các nhóm dân số yếu thế để có đủ bằng chứng nhằm vận động nguồn lực, lập kế hoạch và tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng cho những nhóm đối tượng trên, sát với nhu cầu thực tế của từng địa bàn.

- Triển khai thí điểm và đánh giá nhân rộng các mô hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện, phù hợp với từng lứa tuổi của vị thành niên, thanh niên tại địa phương; tập trung ưu tiên cho các xã vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, phát huy vai trò chủ động, tăng cường sự tham gia của chính lực lượng vị thành niên, thanh niên tại các xã, phường vào quá trình thiết kế, triển khai mô hình nhằm đáp ứng chính xác nhu cầu thực tế của các đối tượng này.

- Tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kỹ năng tư vấn và tâm lý tiếp cận cho đội ngũ cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho đối tượng vị thành niên, thanh niên từ tuyến tỉnh đến tận Trạm Y tế xã, phường.

- Khảo sát, đánh giá xu hướng hành vi; đẩy mạnh các chương trình truyền thông giáo dục chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của các bậc cha mẹ, gia đình, xã hội và cộng đồng về dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với vị thành niên, thanh niên.

3. Tăng cường chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định làm hạn chế khả năng tiếp cận, cung ứng phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về kế hoạch hóa gia đình. Trong đó, tập trung đưa vào ứng dụng các bộ công cụ đánh giá nhanh chất lượng dịch vụ y tế và bộ công cụ giám sát hỗ trợ dành riêng cho đội ngũ công tác viên dân số; kiểm định chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bao gồm sự tôn trọng quyền lựa chọn của khách hàng và sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

4. Tăng cường cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng

- Chủ động đa dạng hóa danh mục, sản phẩm phương tiện tránh thai phi lâm sàng, bảo đảm nguồn cung ứng ổn định tại tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên ngành vào công tác quản lý, cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phi lâm sàng.

5. Tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại tuyến xã

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm vào công tác quản lý, cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại các Trạm Y tế xã, phường.

- Vận hành, ứng dụng hiệu quả Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai (LMIS) và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

6. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, Internet, mạng xã hội (Zalo, Facebook, TikTok, Trang thông tin điện tử...) trong tuyên truyền, vận động và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thông qua tăng cường tương tác giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ bao gồm cả cơ chế phản hồi của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân.

- Chủ động lồng ghép nội dung tuyên truyền về Cam kết FP2030 vào hoạt động truyền thông của các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội đang triển khai tại địa phương nhằm tối ưu hóa nguồn lực và tăng diện bao phủ tiếp cận.

- Đổi mới phương thức truyền thông theo hướng tăng cường công tác tư vấn trực tiếp, vận động thuyết phục phù hợp với từng nhóm đối tượng để các cá nhân, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chủ động, tự nguyện lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai Cam kết FP2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong phạm vi dự toán chi thường xuyên hằng năm được giao; nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 phân bổ cho địa phương; nguồn kinh phí đã bố trí thực hiện Kế hoạch số 167/KH-UBND; nguồn viện trợ, tài trợ quốc tế hợp pháp và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (Cơ quan chủ trì)

Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được giao tại Kế hoạch số 167/KH-UBND.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường tổ chức triển khai lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào chương trình hành động kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc và địa phương thực hiện; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí để tổ chức triển khai theo giai đoạn.

- Chỉ đạo hệ thống y tế cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ lâm sàng, phi lâm sàng; ứng dụng hiệu quả phần mềm LMIS.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan, tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch tại các địa phương, đơn vị.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Cam kết FP2030 trên địa bàn tỉnh; xây dựng báo cáo tổng kết gửi Bộ Y tế (Cục Dân số) trước ngày 15 tháng 12 năm 2030 để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Các sở, ban, ngành và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch 167/KH-UBND và các nội dung của Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

3. UBND các xã, phường

- Thực hiện bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ Cam kết FP2030 vào kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế

hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn đã được ban hành, để triển khai thực hiện.

- Chủ động kiểm tra việc thực hiện các nội dung Kế hoạch tại địa phương; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

UBND tỉnh yêu cầu và đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này gắn với Kế hoạch 167/KH-UBND. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn;
- Thành viên BCD tỉnh (QĐ số 683/QĐ-UBND ngày 18/3/2025);
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX (ĐDD).

(Bc)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhân